

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T** - Sinh năm 1984;

* Bị đơn: Anh **Dương Văn Q** - Sinh năm 1978;

Đều trú tại: Thôn C, xã N, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Đỗ Thị T** và anh **Dương Văn Q**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Đỗ Thị T** và anh **Dương Văn Q** thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Giao con chung **Dương Hải L**, sinh ngày 27/9/2007 cho chị **Đỗ Thị T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung

cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Dương Anh T, sinh ngày 08/01/2004 cho anh Dương Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị T, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi, không ai được cản trở.

* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Đỗ Thị T và anh Dương Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung*: Chị Đỗ Thị T và anh Dương Văn Q đều thừa nhận vợ chồng có thửa đất (gồm đất ở và đất vườn) có tổng diện tích là 329,83m² (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ giáp ranh). Đất có vị trí tại thôn C, xã N, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Trên đất có căn nhà cột gỗ nghiêng, mái lợp prôximăng, tường xây gạch chỉ và một nhà bếp, cột gỗ nghiêng. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị của nhà và đất là: 193.883.999 đồng.

Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải thì chị Đỗ Thị T và anh Dương Văn Q đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung (theo biên bản thỏa thuận ngày 24/8/2021), cụ thể là: Khi ly hôn, anh Q và chị T không yêu cầu chia tài sản chung trên mà giao toàn bộ diện tích thửa đất gồm (đất ở và đất vườn) có tổng diện tích là 329,83m², đất có vị trí tại thôn Cốc T, xã N, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cho con chung là Dương Anh T, sinh ngày 08/01/2004 có toàn quyền sử dụng và Dương Anh T có quyền sở hữu căn nhà cột gỗ nghiêng, mái lợp prôximăng, tường xây gạch chỉ và một nhà bếp, cột gỗ nghiêng. Chị Đỗ Thị T và anh Dương Văn Q thỏa thuận khi con chung Dương Anh T đủ 18 tuổi có trách nhiệm làm thủ tục tặng cho đất và nhà cho con.

Anh Quyết và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung này nữa mà yêu cầu ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án để anh Q, chị T có căn cứ thực hiện việc thỏa thuận của hai bên.

* *Về khoản tiền chi phí định giá tài sản*: Chị Đỗ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá tài sản là 3.500.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền này.

* *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tranh đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03827 ngày 04/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Hoàn lại cho chị Đỗ Thị T số tiền 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03827 ngày

04/5/2021 và 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03837 ngày 07/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + BBHGT 1;
- VKSND huyện Ba Bể 2;
- THADS H. Ba Bể; 1;
- UBND xã N;
(Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự; 2;
- Lưu HS, VT. 2.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nguyên